

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & NĂNG LƯỢNG ICP
VIỆT NAM**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG & NĂNG LƯỢNG ICP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ICP VIET NAM ENERGY & CONSTRUCTION INVESTMENT TAP DOAN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ICP VINA ENERGY CONSINVEST .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108683658

3. Ngày thành lập: 03/04/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 67B, phố Võng Thị, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912391999

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: - Xây dựng: + Đường dây điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố. + Trạm biến áp. - Xây dựng nhà máy điện. - Xây dựng công trình lưới điện cao áp	4221(Chính)
2.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: - Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan: + Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông. + Các tuyến cột, tuyến cống, bể để kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ.	4223
3.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
4.	Xây dựng nhà để ở	4101
5.	Xây dựng nhà không để ở	4102
6.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

7.	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: - Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; - Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm; - Xây dựng cầu, bao gồm cả cầu (không tính cầu đường sắt); - Xây dựng hầm đường bộ; - Xây dựng đường cho tàu điện ngầm, - Xây dựng đường băng sân bay, sân đỗ máy bay.	4212
8.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
9.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4511
10.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ hoạt động đầu giá)	4513
11.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô (Trừ hoạt động đầu giá)	4520
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
13.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
14.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
15.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
16.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
17.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
18.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
19.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
20.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750

21.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn; - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; - Sản xuất dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện;	2790
22.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
23.	Quảng cáo	7310
24.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Hoạt động sản xuất phim điện ảnh; Hoạt động sản xuất phim video trên chất liệu băng, đĩa hoặc phương tiện khác	5911
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế cơ - điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Lập quy hoạch xây dựng; Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình. - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện Tư vấn đầu tư xây dựng công trình đường dây và trạm biến áp Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp	7110
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.	4299
27.	Phá dỡ	4311

28.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: lắp đặt + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc, + Các công việc về chống ẩm và chống thấm nước, + Chống ẩm các toà nhà,	4390
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá) Đại lý độc quyền -Môi giới thương mại	4610
35.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
36.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
37.	Bán buôn thực phẩm	4632
38.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
39.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn dụng cụ y tế: Băng, băng, gạc, dụng cụ cứu thương, kim tiêm...; - Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: Máy đo huyết áp, máy trợ thính... Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
40.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
41.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

42.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc và thiết bị y tế các loại.	4659
44.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha - Bán buôn xăng dầu đã tinh chế: Xăng, diesel, mazout, nhiên liệu máy bay, dầu đốt nóng, dầu hỏa; - Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác.	4661
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
46.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn sơn, véc ni sơn gỗ, sơn sắt thép; - Bán buôn bột bả, sơn tường, trần nhà, bột chống thấm. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
47.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp	4669
48.	Bán buôn tổng hợp	4690
49.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
50.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
51.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
52.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
53.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đầu giá)	4791

55.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; - Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi. - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
60.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
61.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
62.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản. Môi giới bất động sản - Quản lý vận hành nhà chung cư - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;; (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
63.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Sàn giao dịch bất động sản; Thuê mua nhà, công trình xây dựng;	6810
64.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
65.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác; - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
66.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
67.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
68.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
69.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
71.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
72.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
73.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
74.	Khai thác muối	0893
75.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
76.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
77.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
78.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
79.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
80.	Sản xuất giày, dép	1520
81.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
82.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ; - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh; - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.	1621
83.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
84.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
86.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
87.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
88.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
89.	Sản xuất than cốc	1910
90.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
91.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
92.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
93.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
94.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh.	7730
96.	Điều hành tua du lịch	7912
97.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
98.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: - Mạ, đánh bóng kim loại... - Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; - Phun cát, trộn, làm sạch kim loại; - Nhuộm màu, chạm, in kim loại; - Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài... - Mài, đánh bóng kim loại; - Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối...các phần của khung kim loại; - Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer	2592
99.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HẰNG	Thôn Minh Lộc, Xã Minh Đức, Huyện Tứ Kỳ, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	142028309	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		

